

# THE MORNING NEWS

BẢN TIN SÁNG 27/06/2025

## HỒI PHỤC VỀ MẶT ĐIỂM SỐ SAU PHIÊN ATC

# Điểm nhấn thị trường & Chiến lược giao dịch

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

- Chỉ số VNINDEX tiếp tục ghi nhận diễn biến đi ngang với mức đóng cửa 1.365,67 điểm, giá trị giao dịch đạt 19.172 tỷ đồng.
- Chỉ số VN30 ghi nhận diễn biến tương tự với mức giảm 0,12%, với diễn biến giảm được ghi nhận ở các cổ phiếu VIC, VHM, VCB.
- Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị 270,92 tỷ đồng tập trung chủ yếu FPT, HPG, STB.

## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- **Nhà đầu tư duy trì tỷ trọng quanh ngưỡng 30% - 40%.**
- Trong phiên hôm qua đã có nhiều cổ phiếu chúng tôi đã đề cập trong các phiên trước như GEX, VIC, VHM và nhóm bất động sản bắt đầu gặp áp lực bán tương đối mạnh mẽ cho thấy sự suy yếu tạm thời của xu hướng tăng trong ngắn hạn. Ngoài ra, việc nhóm ngân hàng tăng điểm trở lại ở cuối phiên ATC cũng chưa hoàn toàn phản ánh được lực cầu thực tế của thị trường. **Do đó, nhà đầu tư duy trì tỷ trọng ở ngưỡng 30 – 40% và tạm thời chưa mua mới.**
- Chỉ số VNINDEX hiện vẫn đang ở vùng điểm tương đối nhạy cảm và cho dấu hiệu hình thành phân kỳ âm trên các chỉ báo dao động như MACD, RSI. Do đó, việc quan sát diễn biến của chỉ số trong các phiên tới là cần thiết để có thể nắm bắt được xu hướng của thị trường trước khi đưa ra các quyết định cụ thể tiếp theo về việc mua/bán cổ phiếu.

**DUY TRÌ TỶ TRỌNG Ở MỨC ĐỦ AN TOÀN:** Nhóm ngành Ngân hàng, Nhóm Bất động sản

# Danh mục cổ phiếu khuyến nghị

|           | Mã CP | Diễn biến giá CP |         |              | Nhóm Ngành | Giá hiện tại | Chiến lược | Chú ý       |                                                                                             |
|-----------|-------|------------------|---------|--------------|------------|--------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| NGẮN HẠN  |       | Giá SL           | Giá mua | Giá chốt lời |            |              |            |             |                                                                                             |
|           | CTG   | 34,0             | 35,0    | 10,0%        | 38,5       | Ngân hàng    | 38,5       | Đã chốt lời | Đã mua lần 1 ở giá 36.4, lần 2 ở giá 33.8<br>Đã chốt lời lần 1 ở giá 39.5, lần 2 ở giá 38.5 |
|           | BID   | 32,7             | 33,6    | 5,8%         | 35,5       | Ngân hàng    | 35,5       | Đã chốt lời | Đã mua lần 1 giá 39, lần 2 giá 32.5<br>Đã chốt lời lần 1 giá 36.2, lần 2 giá 35.5           |
|           | MWG   | 45,0             | 48,0    | 33,5%        | 64,1       | Bán lẻ       | 64,1       | Đã chốt lời | Đã mua lần 1 ở giá 50.9, lần 2 ở giá 46.3<br>Thực hiện chốt lời ở giá 64.1                  |
|           | KBC   | 20,5             | 23,0    | 9,8%         | 25,3       | Bất động sản | 25,3       | Đã chốt lời | Đã mua tỷ trọng nhỏ ở vùng giá 23<br>Đã chốt lời ở giá 27                                   |
| TRUNG HẠN | TCB   | 23...            | 24,2    | 28,4%        | 31,0       | Ngân hàng    | 31,0       | Đã chốt lời | Đã mở mua lần 1 ở 24.2, lần 2 ở 23.6<br>Chốt lời lần 1 ở giá 27, lần 2 ở giá 31             |
|           |       |                  |         |              |            |              |            |             |                                                                                             |
| DÀI HẠN   | HPG   | 21,0             | 23,0    | 16,9%        | 23,1       | Thép         | 22,8       | Nắm giữ     | Mua lần 1 ở 25.2, lần 2 ở 21.3, lần 3 ở 24.3<br>Phiên hôm qua chia cổ tức 20% cp            |
|           | VPB   | 17,5             | 17,1    | 4,6%         | 22,0       | Ngân hàng    | 18,3       | Nắm giữ     | Đã mua đủ tỷ trọng ở vùng giá 18.8 - 19<br>Đã chốt lời một phần ở giá 18.45                 |

## Quốc tế

-  Phố Wall ghi nhận diễn biến tăng điểm trong phiên giao dịch 26/06. Chỉ số Dow Jones tăng 404.41 điểm (0,94%), chỉ số NASDAQ tăng 194.36 điểm (0,97%) và chỉ số S&P 500 tăng 48.86 điểm (0,8%).
-  Chứng khoán châu Âu có diễn biến tăng điểm trong ngày giao dịch 26/06. Chỉ số FTSE 100 (Anh) tăng 16.85 điểm (0,19%), CAC 40 (Pháp) giảm 0.85 điểm (0,011%) và DAX (Đức) tăng 150.97 điểm (0,64%).
-  Những thay đổi của Tổng thống Mỹ trong chính sách thuế quan đã làm xáo trộn thị trường tài chính, gây rối loạn chuỗi cung ứng và giảm lòng tin của người tiêu dùng.
-  Các nhà máy Nga đóng cửa vì nợ nần khiến quỹ quân sự gặp khó khăn
-  Xung đột Israel - Iran khiến Trung Quốc xem xét lại dự án đường ống khí đốt với Nga

## Trong nước

-  Tuyến cao tốc Hồ Tràm - Sân bay Long Thành dự kiến đầu tư theo phương thức đối tác công tư
-  Đến giữa tháng 6, xuất nhập khẩu đạt hơn 390 tỷ USD

## TIN TỨC ĐẦU NGÀY

### Doanh nghiệp

-  LDG: Kế toán trưởng LDG đăng ký mua 2 triệu cổ phiếu trước ngày diễn ra ĐHĐCĐ.
-  HAG: Hoàng Anh Gia Lai tính điều chỉnh phương án xử lý khoản nợ 2.500 tỷ đồng.
-  VIC: Vingroup đạt bước tiến lớn tại tuyến metro TP. HCM - Cần Giờ sau chỉ đạo từ Thủ tướng.
-  STB: Lợi nhuận Sacombank có thể tăng gần 70% trong quý II/2025.
-  HPG: Thép HRC 'cháy hàng' ngay khi ra lò, lợi nhuận quý II/2025 của Hòa Phát được dự báo đạt 4.300 tỷ đồng.
-  POW: PV Power thu hơn 3.300 tỷ đồng trong tháng cao điểm nắng nóng, chuẩn bị vận hành siêu dự án tỷ USD.
-  ACV: Nhiều gói thầu sân bay Long Thành chậm tiến độ, ACV phải giải trình trong 10 ngày.
-  BCM: Becamex IDC khởi công và khánh thành loạt dự án hơn 24.100 tỷ đồng.
-  MWG: Ngày 25/7 tới đây, cổ đông nhận cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cp). Với gần 1,48 tỷ cổ phiếu lưu hành, công ty dự kiến chi khoảng 1.480 tỷ đồng cho đợt thanh toán dự kiến diễn ra ngày 8/8/2025.
-  DCM: Thông báo ngày 30/6/2025 là ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2024 tỷ lệ 20% (2.000 đồng/cp). Ngày thanh toán dự kiến là 15/7/2025.

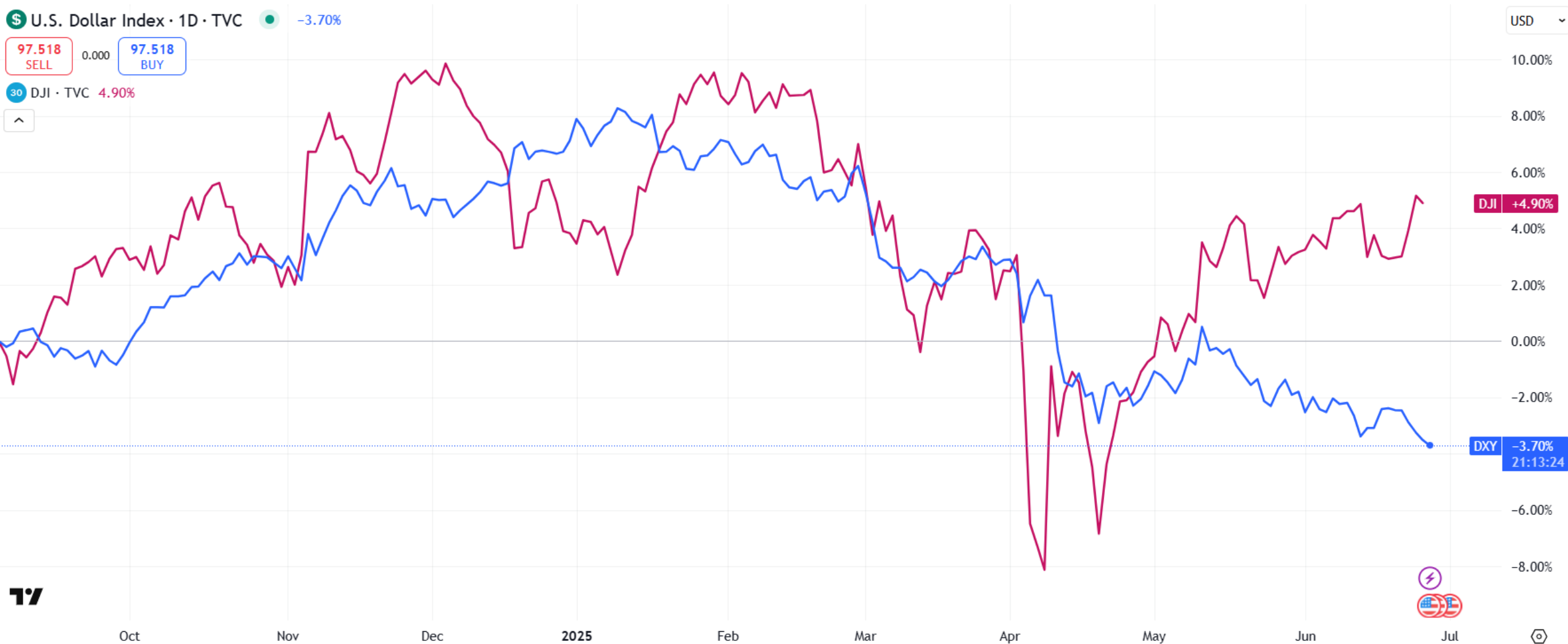


# DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

| CHỈ SỐ             | 26/06/2025 | % Ngày | % Tuần | % Tháng | % YTD   | % Năm   |
|--------------------|------------|--------|--------|---------|---------|---------|
| VN INDEX           | 1365,67    | 0,63%  | 1,42%  | 3,98%   | 7,89%   | 8,77%   |
| HNX30 INDEX        | 470,29     | -0,21% | -0,50% | 10,08%  | -1,62%  | -10,20% |
| VN30 INDEX         | 1462,8     | 1,00%  | 2,19%  | 3,79%   | 8,78%   | 13,50%  |
| S&P 500            | 6092,18    | 1,11%  | 0,98%  | 4,99%   | 3,58%   | 11,39%  |
| Dow Jones          | 43089,02   | 1,19%  | 1,35%  | 3,57%   | 1,28%   | 10,17%  |
| Nasdaq             | 19912,53   | 1,43%  | 1,07%  | 6,27%   | 3,12%   | 12,39%  |
| Shanghai Composite | 3420,513   | 0,00%  | 0,94%  | 2,15%   | 2,05%   | 15,95%  |
| Nikkei 225         | 38853,62   | 0,16%  | -0,08% | 4,56%   | -2,61%  | -0,82%  |
| Thailand SET       | 1100,01    | 3,50%  | -1,22% | -6,49%  | -21,44% | -16,61% |
| Malaysia           | 1522,88    | 0,57%  | 0,72%  | -0,81%  | -7,27%  | -3,94%  |
| Philippine         | 6332,68    | 0,63%  | -0,07% | -1,25%  | -3,00%  | 0,53%   |
| Indonesia JCI      | 6869,171   | 1,21%  | -4,01% | -4,78%  | -2,98%  | -0,20%  |
| FTSE 100           | 8758,99    | 0,01%  | -0,85% | 0,47%   | 7,17%   | 6,20%   |
| DAX                | 23641,58   | 1,60%  | 0,88%  | 0,05%   | 18,75%  | 30,06%  |
| CAC 40             | 7615,99    | 1,04%  | -0,88% | -1,53%  | 3,19%   | -0,60%  |

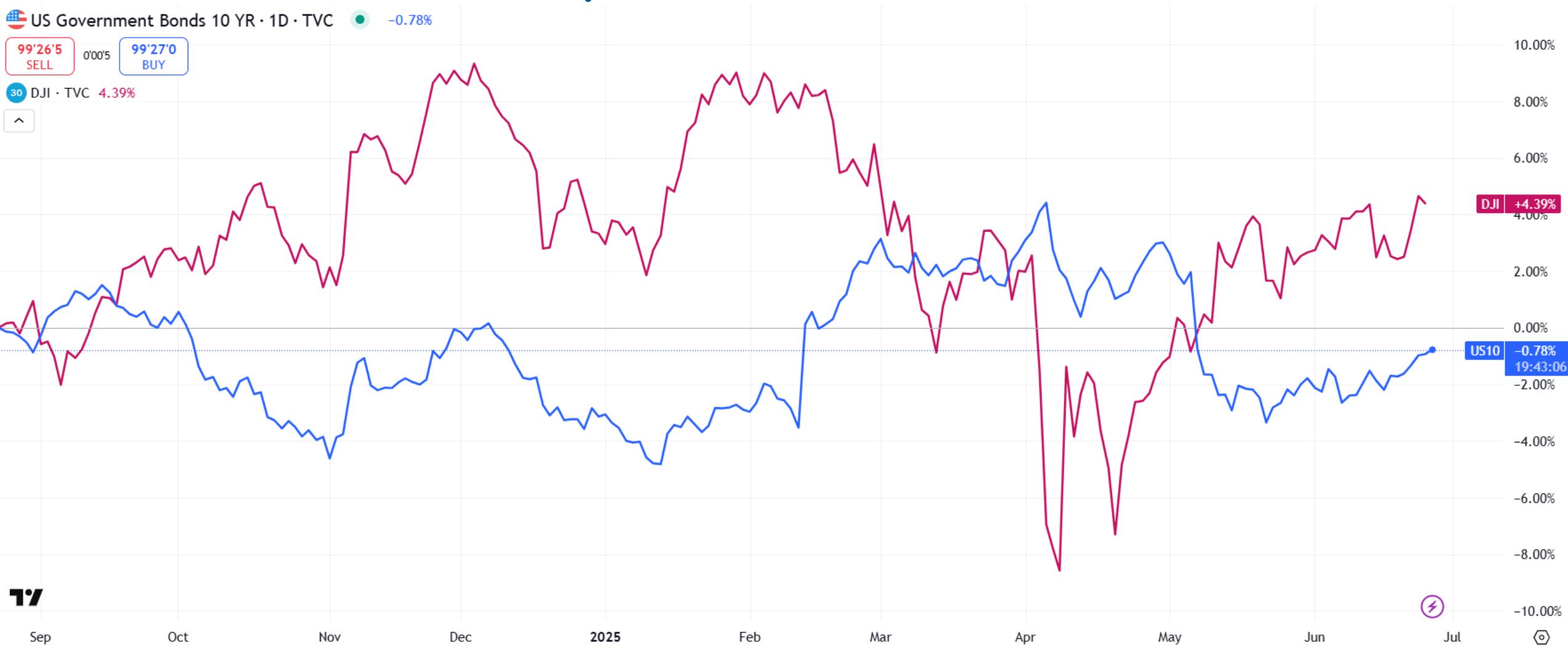
Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

# BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ DXY VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



Nguồn: TradingView, VietinBank Securities

# BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU MỸ 10 NĂM VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



Nguồn: TradingView, VietinBank Securities



## CẬP NHẬT GIAO DỊCH QUỸ ETF

| Name                                         | 1D Flow | 1W Flow | 1M Flow | YTD Flow | 1Y Flow | 3Y Flow |
|----------------------------------------------|---------|---------|---------|----------|---------|---------|
| Median                                       | 0       | 0       | 0       | 0        | -1,67   | -1,67   |
| Fubon FTSE Vietnam ETF                       | 0       | 0       | -1,09   | -34,44   | -215,02 | -196,14 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth            | 0       | 0       | -36,85  | -36,85   | -63,76  | -37,47  |
| Premia MSCI Vietnam ETF                      | 0       | 0       | 0       | 0        | -4,75   | -4,75   |
| CSOP FTSE Vietnam 30 ETF                     | 0       | 0       | 0       | 0        | 0       | 0       |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF | 0       | 0       | 0       | -2,7     | -2,7    | -2,7    |
| Premia MSCI Vietnam ETF                      | 0       | 0       | 0       | 0        | 0       | 0       |
| DCVFMVN30 ETF Fund                           | 0       | 0       | 0       | 0        | 0       | 0       |
| DCVFMVN Mid Cap ETF                          | 0       | 0       | 0       | 0        | 0       | 0       |
| KIM Growth VN30 ETF                          | 0       | 0       | 0       | 0        | 0       | 0       |
| KIM Growth VNFINSELECT ETF                   | 0       | 0       | -0,72   | 0,07     | -10,31  | -10,31  |
| SSIAM VN30 ETF                               | 0       | -0,9    | -11,85  | -19,11   | -83,36  | -83,68  |
| SSIAM VNX50 ETF                              | 0       | 0       | 0       | 0        | 5,2     | 5,42    |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF                         | 0       | 0       | 0       | 0        | 0       | 0       |
| DCVFMVN Diamond ETF                          | 0       | 0       | 1,34    | 8,2      | 40,85   | 42,24   |
| Global X MSCI Vietnam ETF                    | 0       | 0       | 0,05    | 0,05     | -1,67   | -1,67   |
| VanEck Vietnam ETF                           | 0       | 0       | 0       | 1,23     | 1,74    | 1,74    |

## TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

**HSX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày**

| Mã CK    | Giá đóng cửa | Tổng khối lượng (CP) | Thay đổi |
|----------|--------------|----------------------|----------|
| LGL      | 3.990        | 995.129              | 6,97%    |
| LDG      | 2.670        | 9.452.473            | 6,80%    |
| SVD      | 3.490        | 119.734              | 6,73%    |
| HUB      | 15.800       | 81.103               | 5,69%    |
| DGW      | 46.000       | 3.938.106            | 4,78%    |
| SZC      | 37.850       | 4.446.343            | 4,27%    |
| CII      | 15.000       | 31.050.801           | 4,17%    |
| SCS      | 67.800       | 1.277.345            | 4,15%    |
| FUEDCMID | 12.140       | 3.156                | 3,32%    |
| ANV      | 18.850       | 3.620.743            | 3,29%    |

**HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày**

| Mã CK | Giá đóng cửa | Tổng khối lượng (CP) | Thay đổi |
|-------|--------------|----------------------|----------|
| SDC   | 7.700        | 500                  | 10,00%   |
| QST   | 21.400       | 100                  | 9,74%    |
| STC   | 19.400       | 11.900               | 9,60%    |
| TKU   | 14.900       | 2.100                | 9,56%    |
| SGD   | 17.400       | 111                  | 9,43%    |
| BBS   | 15.100       | 102                  | 9,42%    |
| SEB   | 49.700       | 100                  | 8,04%    |
| ICG   | 10.200       | 39.102               | 7,37%    |
| NVB   | 12.100       | 2.383.188            | 7,08%    |
| VHL   | 11.000       | 1.000                | 4,76%    |

**HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày**

| Mã CK | Giá đóng cửa | Tổng khối lượng (CP) | Thay đổi |
|-------|--------------|----------------------|----------|
| PMG   | 8.000        | 2.605                | -6,98%   |
| GMH   | 7.750        | 6.200                | -5,49%   |
| VPS   | 8.530        | 1.920                | -5,22%   |
| PDN   | 99.900       | 3.936                | -5,04%   |
| RYG   | 12.000       | 2.219.400            | -4,00%   |
| TIX   | 36.500       | 400                  | -3,95%   |
| PGC   | 13.800       | 48.242               | -3,50%   |
| SGR   | 29.200       | 311.626              | -3,31%   |
| CDC   | 14.500       | 418.951              | -3,01%   |
| PGI   | 20.200       | 7.000                | -2,88%   |

**HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày**

| Mã CK | Giá đóng cửa | Tổng khối lượng (CP) | Thay đổi |
|-------|--------------|----------------------|----------|
| HHC   | 113.400      | 2.665                | -10,00%  |
| GLT   | 30.500       | 16.901               | -9,76%   |
| VC6   | 29.600       | 1.948                | -9,76%   |
| SVN   | 4.700        | 1.700.836            | -9,62%   |
| CMC   | 7.232        | 1.200                | -8,99%   |
| CAN   | 31.400       | 300                  | -8,72%   |
| PIA   | 27.500       | 501                  | -8,33%   |
| POT   | 17.000       | 1.400                | -8,11%   |
| VCM   | 6.900        | 100                  | -6,76%   |
| MAS   | 32.700       | 1.208                | -6,57%   |

# CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

| Mặt hàng      | Đơn vị    | 24/06/2025 | %Ngày  | % 5 ngày | %Tháng  | CP liên quan đầu vào | CP liên quan đầu ra |
|---------------|-----------|------------|--------|----------|---------|----------------------|---------------------|
| Oil WTI       | USD/bbl.  | 75,14      | 0,40%  | 6,14%    | -19,20% | PVT                  | GAS, BSR            |
| Oil Brent     | USD/bbl.  | 76,7       | 0,33%  | 5,11%    | -19,90% | PVT                  | GAS, BSR            |
| Thép thanh    | CNY/MT    | 2982       | 0,00%  | -2,91%   |         |                      | HPG                 |
| Nhôm          | USD/MT    | 2548,4     | 0,00%  | 4,89%    | 4,64%   |                      |                     |
| Đồng          | USd/lb.   | 490,6      | 0,86%  | 1,57%    | 11,85%  | CAV, SAM, TGP, VTH   | MSN, ACM, BGM       |
| Than          | USD/MT    | 106,7      | 0,28%  | 6,18%    | -19,82% |                      |                     |
| Đường         | USd/lb.   | 16,31      | -1,21% | -6,46%   | -11,23% | VNM, GTN, QNS        | SBT, LSS, SLS, QNS  |
| Ngô           | USd/bu.   | 433,5      | 0,46%  | -9,47%   | -2,23%  |                      |                     |
| Gas           | USD/MMBtu | 3,989      | 3,58%  | 7,17%    | 29,64%  |                      |                     |
| Sữa           | USD/cwt   | 18,66      | -0,16% | 0,48%    | -6,04%  | KDC                  | VNM, QNS            |
| Vàng          | USD/t oz. | 3408,1     | 0,04%  | -1,46%   | 36,11%  |                      | PNJ                 |
| Bạc           | USD/t oz. | 37,248     | -0,62% | 6,82%    | 17,47%  |                      | PNJ                 |
| Lúa Mỳ        | USd/bu.   | 590,5      | 4,42%  | -1,52%   | -12,04% |                      |                     |
| Thịt lợn      | USd/lb.   | 112,175    | 0,47%  | 14,17%   | 24,76%  |                      |                     |
| Thép cuộn HRC | CNY/MT    | 3201       | 0,00%  | -2,92%   | -14,07% |                      | HPG                 |

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

## THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

***Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!***